

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

---

Tháng 8 năm 2011

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 23

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đoàn Châu Phong	Chủ tịch
Ông Đặng Hoàng Huy	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Lưu	Ủy viên
Ông Trần Trọng Diên	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Đa	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đặng Hoàng Huy	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trọng Diên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Thạch Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Liên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Nho	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Đặng Hoàng Huy**  
**Tổng Giám đốc**

*Ngày 23 tháng 8 năm 2011*

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Kính gửi:** **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 23. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán ngày 20 tháng 02 năm 2011 với ý kiến chấp nhận toàn phần trong đó có lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất về (i) chính sách ghi nhận doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản và (ii) việc không tính toán được lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Công ty được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất ngày 26 tháng 7 năm 2010 với nội dung không có sự kiện đáng lưu ý để cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất không được phản ánh trung thực và hợp lý.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

*Chúng tôi xin lưu ý:*

Công ty chưa thu thập báo cáo tài chính tại thời điểm mua và tính toán lợi thế thương mại phát sinh tại thời điểm mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 và Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ.

---

**Đặng Chí Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

---

**Nguyễn Thanh Hương**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1415/KTV

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 23 tháng 8 năm 2011  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011		31/12/2010	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.131.689.720.597</b>		<b>1.087.050.128.337</b>	
<b>(100=110+120+130+140+150)</b>						
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>59.427.623.134</b>		<b>103.774.202.247</b>	
1. Tiền	111		59.427.623.134		103.774.202.247	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>22.472.191.169</b>		<b>3.072.556.823</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		22.472.191.169		3.072.556.823	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>321.804.485.591</b>		<b>424.027.878.858</b>	
1. Phải thu khách hàng	131		201.621.947.868		290.746.771.894	
2. Trả trước cho người bán	132		130.921.713.136		139.190.750.697	
3. Các khoản phải thu khác	135		6.153.872.672		2.910.738.322	
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(16.893.048.085)		(8.820.382.055)	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>660.543.807.930</b>		<b>482.330.298.309</b>	
1. Hàng tồn kho	141		662.245.012.287		484.212.099.268	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.701.204.357)		(1.881.800.959)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>67.441.612.773</b>		<b>73.845.192.100</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.174.046.007		2.584.605.452	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.061.737.112		5.765.218.786	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		5.030.777.466		9.061.638.146	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	49.175.052.188		56.433.729.716	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>581.126.933.789</b>		<b>461.839.277.465</b>	
<b>(200=210+220+250+260)</b>						
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.062.985.938</b>		<b>1.130.374.804</b>	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		660.997.804		1.130.374.804	
2. Phải thu dài hạn khác	218		2.401.988.134		-	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>450.338.352.196</b>		<b>392.028.963.575</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	279.414.807.874		255.234.955.802	
- Nguyên giá	222		429.144.288.454		385.532.999.653	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(149.729.480.580)		(130.298.043.851)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		1.795.217.000		-	
- Nguyên giá	225		1.795.217.000		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227		2.236.660.482		2.316.989.694	
- Nguyên giá	228		2.603.072.004		2.603.072.004	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(366.411.522)		(286.082.310)	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	166.891.666.840		134.477.018.079	
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>110.082.441.213</b>		<b>48.752.423.029</b>	
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-		1.118.176.816	
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	110.082.441.213		47.634.246.213	
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.643.154.442</b>		<b>19.927.516.057</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		17.060.990.798		19.458.035.987	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		582.163.644		469.480.070	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.712.816.654.386</b>		<b>1.548.889.405.802</b>	

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.298.329.613.441</b>	<b>1.174.568.964.406</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.000.372.269.723</b>	<b>887.823.816.065</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	411.261.417.217	402.886.074.101
2. Phải trả người bán	312		202.202.448.095	226.464.453.874
3. Người mua trả tiền trước	313		186.725.836.190	181.368.815.200
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	15.288.174.692	14.012.809.943
5. Phải trả người lao động	315		25.023.899.133	21.890.755.393
6. Chi phí phải trả	316		10.112.884.966	222.727.272
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		141.367.936.920	37.622.219.307
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.389.672.510	3.355.960.975
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>297.957.343.718</b>	<b>286.745.148.341</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	86.481.152.879	206.451.849.856
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		249.423.233	282.025.383
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	16	211.226.767.606	80.011.273.102
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>320.609.934.595</b>	<b>303.778.925.533</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>320.609.934.595</b>	<b>303.778.925.533</b>
1. Vốn điều lệ	411		199.982.400.000	151.744.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		62.734.116.794	62.775.944.067
3. Cổ phiếu quỹ	414		(30.845.085)	(30.845.085)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	31.689.404
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		35.326.210.687	23.344.413.870
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.648.277.900	5.373.448.080
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.949.774.299	60.539.315.197
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>93.877.106.350</b>	<b>70.541.515.863</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>1.712.816.654.386</b>	<b>1.548.889.405.802</b>

**Đặng Hoàng Huy**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2011

**Vũ Ngọc Nho**  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày	Từ ngày
			01/01/2011	01/01/2010
			đến ngày 30/6/2011	đến ngày 30/6/2010
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>477.091.297.751</b>	<b>451.726.802.989</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>18</b>	<b>477.091.297.751</b>	<b>451.726.802.989</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	368.931.683.549	345.539.068.436
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>108.159.614.202</b>	<b>106.187.734.553</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.299.264.561	1.391.598.627
7. Chi phí tài chính	22	20	32.544.253.243	15.385.322.161
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>29.553.297.444</i>	<i>13.322.491.339</i>
8. Chi phí bán hàng	24		17.413.106.157	16.889.950.902
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		42.652.615.566	26.657.349.585
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>16.848.903.797</b>	<b>48.646.710.532</b>
11. Thu nhập khác	31		1.912.552.872	6.533.479.756
12. Chi phí khác	32		1.153.614.709	3.905.948.427
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>758.938.163</b>	<b>2.627.531.329</b>
14. Lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	45		-	48.557.836
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>17.607.841.960</b>	<b>51.322.799.697</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.424.880.853	18.127.753.834
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(12.683.574)	(5.045.994.484)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>13.195.644.681</b>	<b>38.241.040.347</b>
Trong đó:				
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</i>			<i>376.116.102</i>	<i>1.598.503.067</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ</i>			<i>12.819.528.579</i>	<i>36.642.537.280</i>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	725	3.740

**Đặng Hoàng Huy**  
 Tổng Giám đốc

**Vũ Ngọc Nho**  
 Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2011	Từ ngày 01/01/2010
		đến ngày 30/6/2011	đến ngày 30/6/2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>17.607.841.960</b>	<b>51.322.799.697</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	20.681.629.107	15.103.652.793
Các khoản dự phòng	03	7.892.069.428	(93.626.837)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.460.041.731)	(1.221.045.751)
Chi phí lãi vay	06	29.553.297.444	13.322.491.339
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>74.274.796.208</b>	<b>78.434.271.241</b>
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	98.080.275.305	(92.806.778.967)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(178.032.913.019)	(81.552.201.494)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	258.250.749.923	38.212.023.262
(Tăng) chi phí trả trước	12	(1.192.395.366)	(10.189.339.140)
Tiền lãi vay đã trả	13	(25.175.141.333)	(13.322.491.339)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.188.049.010)	(11.770.103.492)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	113.553.074	3.827.912.707
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.084.695.367)	(5.599.715.213)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>220.046.180.415</b>	<b>(94.766.422.435)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(92.283.590.720)	(33.892.604.635)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	790.654.990	3.719.840.371
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(38.652.397.942)	(7.806.100.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	19.252.763.596	7.559.833.177
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(62.448.195.000)	(26.110.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.118.176.816	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.182.462.593	1.381.747.182
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(171.040.125.667)</b>	<b>(55.147.783.905)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của các cổ đông	31	48.237.440.000	23.369.417.385
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	419.855.315.937	399.472.041.691
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(531.450.669.798)	(253.866.012.492)
4. Lợi nhuận, cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(29.994.720.000)	(16.759.145.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(93.352.633.861)</b>	<b>152.216.301.584</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(44.346.579.113)</b>	<b>2.302.095.244</b>
<b>Tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>103.774.202.247</b>	<b>33.200.505.149</b>
<b>Tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>59.427.623.134</b>	<b>35.502.600.393</b>

**Đặng Hoàng Huy**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 23 tháng 8 năm 2011

**Vũ Ngọc Nho**  
**Kế toán trưởng**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Nhà máy Bê tông Xuân Mai, được chuyển thành Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai theo Quyết định số 1434/QĐ-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000122 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 04 tháng 12 năm 2003 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) vào ngày 20 tháng 12 năm 2007 với mã giao dịch XMC.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông và xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; Thi công xây dựng cầu, đường, công trình thủy lợi; Xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp; kinh doanh phát triển nhà, trang trí nội ngoại thất;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông, các loại ống cấp thoát nước; Chuyển giao công nghệ mới, thiết bị tự động hóa trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng;
- Tư vấn đầu tư, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, lập dự án, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát, quản lý dự án;
- Chế tạo lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây chuyền công nghệ, thiết bị tự động hóa trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Khai thác đá;
- Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Xuất nhập khẩu tư, máy móc thiết bị, phụ tùng dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng; Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ thương mại;
- Gia công, chế tạo, hoán cải phương tiện vận tải;
- Thiết kế, gia công chế tạo thiết bị nâng ( không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
- Khám chữa bệnh - Phòng khám đa khoa;
- Kinh doanh dược - Quầy thuốc.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất năm của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Ngày 22 tháng 4 năm 2010, Công ty mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 không lập báo cáo tài chính tại ngày 22 tháng 4 năm 2010 nên Công ty không tính toán được lợi thế thương mại phát sinh tại thời điểm mua khoản đầu tư.

Ngày 06 tháng 6 năm 2011, Công ty mua thêm cổ phần mới phát hành của Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ không lập báo cáo tài chính tại ngày 06 tháng 6 năm 2011 nên Công ty không tính toán được lợi thế thương mại phát sinh tại thời điểm mua khoản đầu tư.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 (số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải	10
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 6

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị thương hiệu của Công ty được nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Nhà máy Bê tông và Xây dựng Xuân Mai. Tài sản này được khấu hao trong vòng 10 năm bắt đầu từ năm 2004.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản cho vay, các khoản góp vốn vào các công ty cổ phần trong đó Công ty nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ và khoản đầu tư khác với thời hạn hơn 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm lập báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty chủ yếu bao gồm doanh thu từ các hoạt động sau:

- Kinh doanh các mặt hàng bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông;
- Xây dựng, lắp đặt cấu kiện bê tông cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;

Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho xây dựng đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** MÃ SỐ B 09-DN/HN  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả quyết toán thuế của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<b>30/6/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	19.402.622.102	7.411.351.291
Tiền gửi ngân hàng	40.025.001.032	96.362.850.956
	<b>59.427.623.134</b>	<b>103.774.202.247</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** MÃ SỐ B 09-DN/HN  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>30/6/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	501.634.346	-
Cho vay ngắn hạn	11.470.556.823	3.072.556.823
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Thành Thái</i>	-	1.000.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Megastar</i>	6.000.000.000	-
<i>Các tổ chức/cá nhân khác</i>	5.470.556.823	2.072.556.823
Hợp đồng ủy thác đầu tư với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	10.500.000.000	-
	<b>22.472.191.169</b>	<b>3.072.556.823</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/6/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	99.977.854.574	104.560.614.036
Công cụ, dụng cụ	689.379.971	909.790.889
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	424.428.496.446	254.231.366.765
Thành phẩm	137.081.451.813	124.510.327.578
Hàng hóa	67.829.483	-
	<b>662.245.012.287</b>	<b>484.212.099.268</b>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.701.204.357)	(1.881.800.959)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>660.543.807.930</b>	<b>482.330.298.309</b>

Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 180.596.602 VND.

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/6/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	48.200.316.832	55.713.322.324
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	974.735.356	720.407.392
	<b>49.175.052.188</b>	<b>56.433.729.716</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị văn phòng</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2011	126.283.661.338	186.078.340.446	60.514.725.928	7.283.043.902	5.373.228.039	385.532.999.653
Mua sắm trong kỳ	150.520.000	7.267.732.952	-	103.314.000	1.959.112.090	9.480.679.042
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.109.548.866	25.159.114.620	1.750.979.909	-	46.461.362	37.066.104.757
Tặng khác	-	1.300.176.244	13.420.790	-	-	1.313.597.034
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.589.433.467)	(77.305.551)	(16.200.000)	-	(1.682.939.018)
Giảm khác	(1.141.251.129)	(538.603.183)	(886.298.702)	-	-	(2.566.153.014)
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>135.402.479.075</b>	<b>217.677.327.612</b>	<b>61.315.522.374</b>	<b>7.370.157.902</b>	<b>7.378.801.491</b>	<b>429.144.288.454</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2011	28.657.677.352	79.843.313.407	17.262.699.080	3.288.267.816	1.246.086.196	130.298.043.851
Trích khấu hao trong kỳ	3.936.480.584	12.262.493.634	3.373.987.978	214.242.749	814.094.950	20.601.299.895
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.145.768.114)	(14.405.536)	(9.689.516)	-	(1.169.863.166)
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>32.594.157.936</b>	<b>90.960.038.927</b>	<b>20.622.281.522</b>	<b>3.492.821.049</b>	<b>2.060.181.146</b>	<b>149.729.480.580</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>102.808.321.139</b>	<b>126.717.288.685</b>	<b>40.693.240.852</b>	<b>3.877.336.853</b>	<b>5.318.620.345</b>	<b>279.414.807.874</b>
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>97.625.983.986</b>	<b>106.235.027.039</b>	<b>43.252.026.848</b>	<b>3.994.776.086</b>	<b>4.127.141.843</b>	<b>255.234.955.802</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được dùng để cầm cố, thế chấp, đặt cọc, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 186.608.973.530 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 57.451.972.087 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 41.617.303.514 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 29.081.310.301 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
<i>Trong đó: Một số công trình/hạng mục lớn</i>		
Hạng mục nhà xưởng sản xuất	21.141.271.742	21.062.229.998
Văn phòng tầng 6 dự án nhà 29T2	33.519.748.774	18.802.492.588
Nhà máy bê tông DƯL Đà Nẵng	14.978.468.581	1.787.377.856
Nhà xưởng sản xuất chung	8.350.296.364	-
Các công trình/hạng mục khác	88.901.881.379	92.824.917.637
	<b><u>166.891.666.840</u></b>	<b><u>134.477.018.079</u></b>

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú	Vĩnh Phúc	65%	65%	Sản xuất cấu kiện bê tông và thi công xây lắp công trình
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Vinaconex Xuân Mai	Hà Nội	69%	69%	Thiết kế và ép cọc
Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex - Phan Vũ	Hải Dương	82%	82%	Sản xuất cấu kiện bê tông, ống bê tông
Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Vinaconex	Hà Nội	78%	78%	Vận tải
Công ty Cổ phần Xây lắp Vinaconex Xuân Mai	Hà Nội	84%	84%	Xây lắp công trình
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45	Bình Dương	61%	61%	Sản xuất, lắp đặt cấu kiện bê tông
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	Đà Nẵng	51%	51%	Sản xuất cấu kiện bê tông, xi măng và thi công công trình

**12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	110.082.441.213	47.634.246.213
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ</i>	<i>1.835.000.000</i>	<i>1.835.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc</i>	<i>722.150.000</i>	<i>722.150.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả</i>	<i>2.327.096.213</i>	<i>2.327.096.213</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng nhà ở Sơn An</i>	<i>29.970.755.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Nam Hoàn Vũ Phong Phú</i>	<i>37.750.000.000</i>	<i>37.750.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh Hai Thành</i>	<i>37.477.440.000</i>	<i>-</i>
	<b><u>110.082.441.213</u></b>	<b><u>47.634.246.213</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>30/6/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>404.692.099.808</b>	<b>388.399.183.560</b>
<b>Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai vay</b>	<b>205.283.699.216</b>	<b>203.072.471.966</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (a)	18.909.437.775	56.279.609.651
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Láng Hoà Lạc (b)	69.053.393.380	69.120.003.204
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Đông (c)	14.500.203.674	15.853.845.638
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Tây Hà Nội (d)	39.783.052.665	18.894.194.713
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (e)	26.112.675.956	20.379.382.866
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (f)	36.224.935.766	21.045.435.894
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	700.000.000	1.500.000.000
<b>Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex - Phan Vũ vay</b>	<b>46.459.951.750</b>	<b>33.738.403.379</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	9.080.656.249	8.605.324.668
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	18.760.147.187	12.997.857.901
Ngân hàng Tiên Phong	18.619.148.314	11.935.220.810
Công ty TNHH Phúc Tiến	-	200.000.000
<b>Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú vay</b>	<b>59.621.937.370</b>	<b>51.772.263.887</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	29.802.702.295	23.308.912.589
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc	29.819.235.075	28.463.351.298
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 vay</b>	<b>76.650.733.683</b>	<b>79.641.947.296</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	51.520.488.103	53.877.402.565
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	20.724.912.539	21.359.211.690
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	4.405.333.041	4.405.333.041
<b>Công ty Cổ phần Xây lắp Vinaconex Xuân Mai vay</b>	<b>16.675.777.789</b>	<b>20.174.097.032</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Láng Hòa Lạc	4.775.126.951	3.111.659.157
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	11.258.901.748	17.005.368.875
Vay cá nhân	641.749.090	57.069.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>6.569.317.409</b>	<b>14.486.890.541</b>
	<b>411.261.417.217</b>	<b>402.886.074.101</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- a) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2010/HĐ ngày 08 tháng 6 năm 2010 với hạn mức tín dụng là 80 tỷ VND. Thời hạn của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn là đến ngày 30 tháng 6 năm 2011. Thời hạn vay và lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, lãi tiền vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Công ty đã sử dụng toàn bộ số dư tiền gửi tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế mà Công ty là người thụ hưởng để đảm bảo cho khoản vay này.
- b) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Láng Hòa Lạc theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 02/2010/HĐTD-HM ngày 01 tháng 6 năm 2010 với hạn mức tín dụng là 70 tỷ VND. Thời hạn của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn là đến ngày 15 tháng 5 năm 2011. Thời hạn vay là 09 tháng cho mỗi lần nhận nợ. Khoản vay chịu lãi suất 14%/năm, lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần theo nguyên tắc lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 09 tháng trả lãi sau được niêm yết tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Láng Hòa Lạc vào ngày điều chỉnh lãi suất cho vay cộng (+) biên độ tối thiểu 3,2%/năm nhưng không thấp hơn sản lãi suất cho vay ngắn hạn do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam công bố trong từng thời kỳ. Lãi tiền vay được trả vào ngày 26 hàng tháng. Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 140.000 m<sup>2</sup> và nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền tại thửa đất số 350, tờ bản đồ số 09 thuộc xã Thùy Xuân Tiên - Chương Mỹ - Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A240198 để đảm bảo cho khoản vay này.
- c) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 03/10/HDTDNH/DN ngày 18 tháng 10 năm 2010 với hạn mức tín dụng là 40 tỷ VND. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay và ngày trả lãi vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm trong từng thời kỳ. Công ty đã thế chấp hàng tồn kho luân chuyển là thép và cấu kiện thành phẩm trị giá 50 tỷ VND và nguồn thu hợp pháp (được xác định và chấp thuận của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm trong từng lần nhận nợ) để đảm bảo cho khoản vay này.
- d) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 56.11.820.220969.TD ngày 23 tháng 3 năm 2011 với hạn mức tín dụng là 50 tỷ VND. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2012. Thời hạn cho vay tối đa là 09 tháng cho mỗi lần nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể, lãi tiền vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Công ty đã thế chấp hàng tồn kho luân chuyển (dầm cầu, cọc bê tông, tấm lợp proximang, cấu kiện công trình, vữa khô xây dựng, thành phẩm khác); quyền thu tiền bán hàng phát sinh từ hợp đồng số 0134A/2010/HDXD-VC ký với Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam; toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty theo các hợp đồng bảo hiểm; và tiền gửi ngân hàng (tài khoản số 8201100013007) để đảm bảo cho khoản vay này.
- e) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 10.11.10.045 ngày 02 tháng 8 năm 2010 với hạn mức tín dụng là 80 tỷ VND. Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 09 tháng cho mỗi lần nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể, lãi tiền vay được trả hàng tháng. Khoản vay này không có đảm bảo.
- f) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội dưới hình thức tín dụng thư với hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD. Khoản vay chịu lãi suất cho vay cơ bản của đồng tiền nhận nợ của thời hạn tương ứng (+) 2%/năm. Công ty sử dụng hàng tồn kho luân chuyển và quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty theo các hợp đồng bảo hiểm để đảm bảo cho khoản vay này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	9.061.620.905	9.602.977.675
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.843.190.792	3.699.888.836
Thuế thu nhập cá nhân	1.358.298.675	694.214.784
Các loại thuế khác	25.064.320	15.728.648
	<b><u>15.288.174.692</u></b>	<b><u>14.012.809.943</u></b>

**15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>83.106.717.029</b>	<b>167.285.921.675</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	34.875.816.820	41.133.848.872
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	20.878.727.753	11.652.516.387
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Láng Hoà Lạc	8.301.318.783	101.206.149.403
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Tây Hà Nội	6.134.090.000	2.608.750.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5.250.000.000	5.250.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Phước	3.777.046.660	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc	1.856.250.000	2.531.250.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	1.278.790.900	2.065.390.900
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	416.660.000	500.000.000
Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	338.016.113	338.016.113
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>3.374.435.850</b>	<b>39.165.928.181</b>
Nợ cá nhân	2.140.224.550	39.165.928.181
Tài sản thuê tài chính	1.234.211.300	-
	<b><u>86.481.152.879</u></b>	<b><u>206.451.849.856</u></b>

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2011</u>
	VND
Trong vòng một năm	6.569.317.409
Trong năm thứ hai	41.801.522.783
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	25.640.760.096
Sau năm năm	19.038.870.000
	<b><u>93.050.470.288</u></b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<b><u>(6.569.317.409)</u></b>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>86.481.152.879</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà CT2 Chung cư Ngô Thì Nhậm	14.587.588.114	45.966.812.944
Nhà CT1 Chung cư Ngô Thì Nhậm	19.646.818.182	19.646.818.182
Nhà 19T3 Chung cư Kiến Hưng	58.186.867.704	-
Nhà 19T5 Chung cư Kiến Hưng	44.508.611.490	-
Nhà 19T6 Chung cư Kiến Hưng	71.660.415.328	-
Công trình khác	2.636.466.788	14.397.641.976
	<u><b>211.226.767.606</b></u>	<u><b>80.011.273.102</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Vốn cổ phần</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2010</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>52.360.176.682</b>	<b>(9.801.376.355)</b>	<b>(1.129.833.496)</b>	<b>12.919.336.046</b>	<b>3.177.577.952</b>	<b>45.972.564.123</b>	<b>203.498.444.952</b>
<b>Tăng trong năm</b>								
Tăng vốn điều lệ	51.744.960.000	10.467.767.385	-	-	-	-	-	62.212.727.385
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	67.472.118.313	67.472.118.313
Tăng khác	-	-	-	-	10.425.077.824	2.195.870.128	-	12.620.947.952
<b>Giảm trong năm</b>								
Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-	(52.905.367.239)	(52.905.367.239)
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	9.770.531.270	-	-	-	-	9.770.531.270
Giảm khác	-	(52.000.000)	-	1.161.522.900	-	-	-	1.109.522.900
<b>Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b>151.744.960.000</b>	<b>62.775.944.067</b>	<b>(30.845.085)</b>	<b>31.689.404</b>	<b>23.344.413.870</b>	<b>5.373.448.080</b>	<b>60.539.315.197</b>	<b>303.778.925.533</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2011</b>	<b>151.744.960.000</b>	<b>62.775.944.067</b>	<b>(30.845.085)</b>	<b>31.689.404</b>	<b>23.344.413.870</b>	<b>5.373.448.080</b>	<b>60.539.315.197</b>	<b>303.778.925.533</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>								
Tăng vốn	48.237.440.000	-	-	-	-	-	-	48.237.440.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	12.819.528.579	12.819.528.579
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	13.170.597.194	3.508.090.069	-	16.678.687.263
Tăng khác	-	-	-	105.632.060	-	-	-	105.632.060
<b>Giảm trong kỳ</b>								
Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-	(21.382.440.389)	(21.382.440.389)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(29.994.720.000)	(29.994.720.000)
Giảm khác	-	(41.827.273)	-	(137.321.464)	(1.188.800.377)	(233.260.249)	(8.031.909.088)	(9.633.118.451)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2011</b>	<b>199.982.400.000</b>	<b>62.734.116.794</b>	<b>(30.845.085)</b>	<b>-</b>	<b>35.326.210.687</b>	<b>8.648.277.900</b>	<b>13.949.774.299</b>	<b>320.609.934.595</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9, vốn điều lệ của Công ty là 199.982.400.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận		Vốn đã góp tại ngày		
	đăng ký kinh doanh thay đổi		30/6/2011 (VND)		31/12/2010 (VND)
	VND	%			
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	102.000.000.000	51	102.000.000.000	102.000.000.000	
Các cổ đông khác	97.982.400.000	49	97.982.400.000	49.744.960.000	
	<b>199.982.400.000</b>	<b>100</b>	<b>199.982.400.000</b>	<b>151.744.960.000</b>	

**18. DOANH THU**

	Từ ngày 01/01/2011	Từ ngày 01/01/2010
	đến ngày 30/6/2011	đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Xây lắp	56.031.429.320	-
Sản xuất công nghiệp	237.728.071.682	260.169.296.607
Bất động sản	161.331.571.540	170.117.986.510
Doanh thu khác	22.000.225.209	21.439.519.872
	<b>477.091.297.751</b>	<b>451.726.802.989</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/01/2011	Từ ngày 01/01/2010
	đến ngày 30/6/2011	đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Xây lắp	33.480.161.764	-
Sản xuất công nghiệp	175.819.839.215	178.147.617.166
Bất động sản	149.137.928.221	151.480.608.155
Giá vốn hoạt động khác	10.493.754.349	15.910.843.115
	<b>368.931.683.549</b>	<b>345.539.068.436</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2011	Từ ngày 01/01/2010
	đến ngày 30/6/2011	đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	29.553.297.444	13.322.491.339
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.858.183.372	2.062.830.822
Chi phí tài chính khác	1.132.772.427	-
	<b>32.544.253.243</b>	<b>15.385.322.161</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</b>	<b>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	12.819.528.579	36.642.537.280
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	17.676.446	9.797.980
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	725	3.740

**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</b>	<b>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	93.519.084.309	42.411.627.204
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	452.742.145	692.033.636
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	-	784.890.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	165.972.727	706.540.302
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	5.508.184.546	175.095.454
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	335.369.091
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	-	1.817.804.969
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	-	403.842.672
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	7.095.455	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	-	10.797.223.265
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	62.563.637	-
Công ty Cổ phần Vimeco	-	2.274.027.273
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	65.205.000	679.226.564
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	330.874.365	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	2.273.015.564	3.511.647.265
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	-	16.771.790.909
	<b>102.384.737.748</b>	<b>81.361.118.604</b>
<b>Số dư với các bên liên quan</b>		
	<b>30/6/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu/phải thu khác</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	52.805.241.203	37.799.717.398
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	688.260.000	988.260.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	186.653.275	186.653.275
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	246.290.000	1.324.346.698
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	2.031.873.610	2.443.627.500
Công ty Cổ phần Vinaconex 7	-	395.015.000
Công ty Cổ phần Vinaconex 9	-	2.356.052.216

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

	<b>30/6/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu/phải thu khác (Tiếp theo)</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	139.463.600	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	47.542.000	216.942.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16	600.007.500	616.307.500
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	2.760.636.933	4.260.636.933
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	103.191.705	68.183.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	182.026.560	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	350.651.221	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	1.643.231.442	6.118.405.442
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	3.670.065.110	3.357.937.690
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng hệ thống cấp nước Sông Đà - Hà Nội	127.038.000	127.038.000
Ban Điều hành Dự án thủy điện Buôn Kuốp	1.792.165.223	1.792.165.223
Ban Điều hành Dự án Xây dựng Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	1.979.340.405	-
Ban quản lý Dự án Xi Măng Cẩm Phả	3.109.084.153	3.591.891.985
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	-	8.500.047.774
Ban quản lý Dự án Công trình Cầu Bãi Cháy	-	442.595.055
Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	-	33.723.672
Công ty Vinaconex Cửu Long	-	110.788.900
Công ty Cổ phần Tư vấn quản lý VPM - HN	-	7.077.205.200
	<b>72.462.761.940</b>	<b>81.807.540.461</b>
<b>Phải trả người bán/người mua trả tiền trước</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	5.567.216.757	19.063.650.683
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	-	1.157.528.237
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	-	253.755.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	4.443.738.902	10.491.898.887
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 6	-	71.456.849
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	1.546.690.076	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	-	2.446.177
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	273.916.000	233.275.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	8.712.000	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	610.247.500	-
Công ty Cổ phần Vimeco	1.238.825.548	592.537.386
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	203.766.750	511.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	627.085.085	627.085.085
Trung tâm kinh doanh Vinaconex	-	10.960.400
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex	-	205.544.800
Công ty Cổ phần đá ốp lát cao cấp Vinaconex	-	97.470.533
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	-	567.160.820
	<b>14.520.198.618</b>	<b>33.885.769.857</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

	<b>30/6/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex-Viettel	11.258.901.748	17.005.368.875
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	4.405.333.041	4.405.333.041
	<b>15.664.234.789</b>	<b>21.410.701.916</b>

**23. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 đã được soát xét bởi Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

\_\_\_\_\_  
**Đặng Hoàng Huy**  
 Tổng Giám đốc

\_\_\_\_\_  
**Vũ Ngọc Nho**  
 Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 8 năm 2011